

Số: 5318 /BKHDĐT-TH
V/v lập kế hoạch đầu tư công trung
hạn 5 năm 2016-2020

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2014

~~Kính~~ gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc ngành Kế hoạch và Đầu tư từ ngày 7 đến ngày 8 tháng 8 năm 2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (dưới đây gọi tắt là các bộ, ngành trung ương và địa phương) về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011-2015

Căn cứ vào các nghị quyết của Đảng, Quốc hội về mục tiêu, định hướng phát triển trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, kế hoạch đầu tư phát triển các năm 2011-2015, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ, quy hoạch phát triển ngành, trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2011 - 2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015, các bộ, ngành trung ương và địa phương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 với những nội

dung sau:

I. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011-2015

Các bộ, ngành trung ương và địa phương tập trung đánh giá tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015 với các nội dung chính sau:

1. Tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011-2015 so với kế hoạch đã đề ra, trong đó làm rõ tình hình huy động vốn của các thành phần kinh tế khác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án đầu tư công.

2. Tình hình huy động và thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BTO, BT,... trong đó báo cáo cụ thể tình hình sử dụng nguồn vốn đầu tư công tham gia hoặc đóng góp vào các dự án đầu tư theo các hình thức này.

3. Các kết quả đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011-2015 đã đạt được, trong đó làm rõ các kết quả đạt được từ việc đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công, như: Năng lực tăng thêm trong các ngành, lĩnh vực như: giao thông, thủy lợi, điện lực, y tế, trường học,... của các chương trình, dự án; Chất lượng dịch vụ công; Các kết quả đầu tư công tác động tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 của cả nước và của bộ, ngành trung ương, địa phương.

4. Các khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội; phân tích sâu các nguyên nhân khách quan và chủ quan; trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

5. Các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách từ nay đến hết kế hoạch 5 năm 2011-2015.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSNN GIAI ĐOẠN 2011-2015

Căn cứ các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp về dự toán NSNN và kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN hằng năm, các bộ, ngành trung ương và địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn từ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn cân đối ngân sách địa phương) 5 năm 2011-2015 theo các nội dung dưới đây:

1. Tình hình phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN trong kế hoạch hằng năm và kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2014-2015.

a) Đánh giá việc phân bổ vốn theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2011-2015 do Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Kết quả phân bổ vốn kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN hằng năm trong giai đoạn 2011-2015, trong đó làm rõ việc bố trí vốn kế hoạch trước thời điểm ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg và sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị này.

2. Tình hình triển khai và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN.

3. Các kết quả đạt được, năng lực tăng thêm theo ngành, lĩnh vực do đầu tư từ nguồn vốn NSNN.

4. Tình hình điều chỉnh tổng mức đầu tư các dự án so với quyết định đầu tư ban đầu; số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt. Trong đó làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc điều chỉnh dự án.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2011-2015

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về quản lý và sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015¹, các nghị

¹Nghị quyết số 12/2011/QH13 ngày 9 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội về kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết số 28/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội về bổ sung một số dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết số 50/2013/QH13 của Quốc hội về kết quả giám sát "Việc thi hành Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn TPCP cho đầu tư XDCB giai đoạn 2006-2012"; Nghị quyết số 65/2013/QH13 của Quốc hội về phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016; Nghị quyết số 473/NQ-UBTVQH13 ngày 27 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết số 495/NQ-UBTVQH13 ngày 18 tháng 5 năm 2012 về kế hoạch phân bổ 5.500 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015 cho các dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi; Nghị quyết số 522/NQ-UBTVQH13 ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ về kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 cho các dự án bổ sung theo Nghị quyết số 28/2012/QH13; Nghị quyết 726/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân bổ vốn TPCP bổ sung giai đoạn 2014-2016 cho các dự án, công trình dở dang đã có trong danh mục sử dụng vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 và Dự án Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào Sông Hậu; Nghị quyết 736/NQ-UBTVQH13 ngày 17 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân bổ vốn TPCP bổ sung giai đoạn 2014-2016 cho các dự án dự kiến hoàn thành trong 2 năm 2014-2015 nhưng chưa bố trí đủ vốn; văn bản số 415/UBTVQH12 ngày 15 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011 và chuẩn bị danh mục dự án, công trình đầu tư giai đoạn 2011-2015; số 376/UBTVQH13-TCNS ngày 6 tháng 3 năm 2013 về bố trí vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và năm

quyết của Chính phủ, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ hằng năm của Thủ tướng Chính phủ² và của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các bộ, ngành trung ương, địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ 5 năm 2011- 2015 như sau:

1. Tình hình phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ hằng năm trong giai đoạn 2011-2015 của các chương trình, dự án giao thông, thủy lợi, y tế, kỹ túc xá sinh viên, chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La.

2. Tình hình triển khai, thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015.

3. Tình hình điều chỉnh, cắt giảm quy mô, tổng mức đầu tư các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ phù hợp với kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ được giao giai đoạn 2011-2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016.

4. Tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác để lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ.

5. Kết quả thực hiện và năng lực tăng thêm theo ngành, lĩnh vực do đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ.

IV. ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ NHƯNG CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI, VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG, VỐN VAY KHÁC CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Các bộ, ngành trung ương, địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước (nguồn thu xổ số kiến thiết, các khoản thu phí, lệ phí để lại cho đầu tư,...); vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn vay khác của ngân sách địa phương; vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài 5 năm 2011-2015 theo các nội dung dưới đây:

2012 cho một số dự án quan trọng, cấp bách của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

² Quyết định số 1790/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về thanh toán vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015; các quyết định giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ hằng năm của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong giai đoạn 2011-2015.

1. Kế hoạch huy động và sử dụng các nguồn vốn nêu trên trong giai đoạn 2011-2015.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư các nguồn vốn này.

3. Tình hình huy động và sử dụng vốn trái phiếu chính quyền địa phương, huy động và sử dụng vốn vay khác của ngân sách địa phương theo từng năm trong giai đoạn 2011-2015. Tình hình hoàn trả các khoản trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương. Dư nợ các khoản vốn vay của ngân sách địa phương ước đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC

1. Các bộ, ngành và địa phương báo cáo tình hình thực hiện và sử dụng kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước và vốn tín dụng chính sách xã hội giai đoạn 2011-2015, gồm:

a) Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước: tình hình thực hiện và giải ngân các khoản vay đầu tư phát triển, vay xuất khẩu, đầu tư từ nguồn vốn ODA cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các quỹ đầu tư của địa phương (nếu có) trong giai đoạn 2011-2015 và từng năm cụ thể.

b) Vốn tín dụng chính sách xã hội: tình hình thực hiện và giải ngân các chương trình sử dụng vốn tín dụng chính sách, như: các khoản cho vay hộ nghèo, cho vay giải quyết việc làm, cho vay học sinh, sinh viên, cho vay xuất khẩu lao động, cho vay trả chậm nhà ở, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa, cho vay trồng rừng,... trong giai đoạn 2011-2015 và từng năm cụ thể.

c) Tình hình hoàn trả các khoản vốn vay, trong đó: hoàn trả các khoản vốn vay cho các chương trình, dự án triển khai trong giai đoạn 2006-2010 trở về trước, hoàn trả các khoản vốn vay cho các chương trình, dự án trong giai đoạn 2011-2015.

d) Dư nợ các khoản vốn vay tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

đ) Tình hình nợ xấu và xử lý nợ xấu đối với tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và tín dụng chính sách xã hội.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng chính sách xã hội báo cáo các nội dung quy định tại điểm 1 nêu trên và báo cáo thêm các nội dung sau:

a) Vốn điều lệ của Ngân hàng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013, ước đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

b) Tình hình huy động vốn hằng năm trong giai đoạn 2011-2015.

c) Tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư nhà nước/tín dụng chính sách xã hội; bù lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước/tín dụng chính sách xã hội hằng năm trong giai đoạn 2011-2015.

d) Tổng dư nợ tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, tín dụng xuất khẩu đến ngày 31 tháng 12 hằng năm trong giai đoạn 2011-2015.

đ) Các kết quả đạt được trong việc tăng thêm năng lực của các ngành sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng,...; những tồn tại, hạn chế, những khó khăn, vướng mắc trong huy động và cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước.

VI. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011-2015

Các cơ quan được giao là chủ chương trình, các bộ, ngành trung ương và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chương trình theo các nội dung dưới đây:

1. Tình hình phân bổ và giao vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015; tình hình huy động nguồn lực và lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu.

2. Tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu 5 năm 2011 - 2015.

3. Các kết quả đạt được các mục tiêu so với mục tiêu đề ra; những khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế; làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

VII. TÌNH HÌNH XỬ LÝ NỢ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN

Căn cứ các quy định về nợ động xây dựng cơ bản được nêu tại khoản 19, Điều 4 của Luật Đầu tư công, đề nghị các bộ, ngành và địa phương báo cáo tình hình xử lý nợ động XD CB trong giai đoạn 2011-2015, danh mục và số nợ động xây dựng cơ bản đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014. Cụ thể như sau:

1. Tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 và số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Báo cáo cụ thể danh mục và chốt số nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo từng nguồn vốn và dự kiến phương án phân kỳ trả nợ theo quy định trong Luật Đầu tư công.

3. Báo cáo rõ nguyên nhân gây ra nợ đọng xây dựng cơ bản. Kiểm điểm trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan (gắn với trách nhiệm cá nhân) trong việc đề phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

4. Các giải pháp đã thực hiện xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thời gian qua.

5. Các bộ, ngành và địa phương lưu ý không đề phát sinh thêm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 (thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành).

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Căn cứ các quy định tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức xây dựng kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn NSNN (bao gồm: Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương và kế hoạch đầu tư vốn cân đối ngân sách địa phương); Kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ; Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; Kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; Kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương theo các quy định dưới đây:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020

1. Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 theo từng nguồn vốn quy định tại Phần A nêu trên.

2. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của cả nước, ngành, lĩnh vực và địa phương; mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 5 năm 2016-2020 của

quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương; (trong điều kiện hiện nay chưa có kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì căn cứ vào Đề cương Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã trình Hội nghị Trung ương lần thứ 9, khóa XI, dự thảo Đề cương kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 chuẩn bị trình Đại hội Đảng các cấp làm căn cứ); Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

3. Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020 của cả nước và của địa phương; các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

5. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn và theo ngành, lĩnh vực, chương trình.

6. Dự báo khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư.

7. Cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

II. NGUYÊN TẮC LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020

1. Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của quốc gia, của các ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác của cả nước, cũng như của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công.

4. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện

chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các cấp, các ngành; hoàn trả các khoản vốn NSNN ứng trước kế hoạch; Ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản đã quy định tại điểm 2, mục VII, phần A nêu trên.

5. Từ kế hoạch năm 2015 và kế hoạch giai đoạn 2016-2020 các bộ, ngành và địa phương phải bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư theo quy định tại Điều 57 của Luật Đầu tư công để:

a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016-2020;

b) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016-2020.

6. Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020, đối với từng nguồn vốn, các bộ, ngành và địa phương dự kiến dự phòng khoảng 15% ở cấp trung ương và các cấp chính quyền địa phương, để xử lý:

a) Các biến động do trượt giá quá mức dự phòng trong tổng mức đầu tư của dự án;

b) Bổ sung vốn đầu tư các dự án khẩn cấp theo quy định tại khoản 14, Điều 4 của Luật Đầu tư công;

c) Các vấn đề phát sinh theo quy định tại khoản 6, Điều 54 của Luật Đầu tư công trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn vào từng năm cụ thể.

7. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

8. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

III. XÁC ĐỊNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu giai đoạn 2011-2015; trong điều kiện cân đối nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 có hạn, để bảo đảm tập trung nguồn vốn đầu tư công cho các chương trình thật sự cần thiết và tạo điều kiện

cho các bộ, ngành địa phương chủ động, bố trí vốn tập trung, hiệu quả, đề nghị các cơ quan được giao là chủ chương trình đề xuất xây dựng 02 chương trình mục tiêu quốc gia theo Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 theo các quy định sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016-2020

a) Chương trình mục tiêu quốc gia:

Theo quy định tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2016-2020 chỉ thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia là Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

Đề nghị Bộ Lao động và Thương binh xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương và địa phương khẩn trương xây dựng chương trình, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các quy định của Luật Đầu tư công và thời gian quy định tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Các chương trình mục tiêu quốc gia nêu trên phải được Chính phủ trình Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư chậm nhất trong kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII (tháng 10 năm 2015).

b) Các chương trình mục tiêu

Thời gian vừa qua, do nhu cầu đầu tư quá lớn, trong từng ngành, lĩnh vực, các bộ, ngành trung ương đề xuất rất nhiều chương trình hỗ trợ có mục tiêu, dẫn đến việc bố trí vốn cho các dự án bị phân tán, dàn trải. Để khắc phục tình trạng này, tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5 tháng 8 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu giảm tối đa số lượng chương trình mục tiêu trong giai đoạn 2016-2020 theo hướng lồng ghép các chương trình có cùng mục tiêu, nhiệm vụ tương tự nhau. Trong từng ngành, lĩnh vực (nếu cần thiết có chương trình mục tiêu) chỉ đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt không quá 2 chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020.

b.1) Đối với chương trình mục tiêu do Trung ương quản lý:

Đề nghị bộ, ngành chủ trì, quản lý chương trình mục tiêu ở cấp trung ương trên cơ sở đánh giá tình hình thực các chương trình mục tiêu giai đoạn 2011-2015, các mục tiêu phát triển giai đoạn 2016-2020, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư, lựa chọn các chương trình thật sự cần thiết. Trường hợp trong một ngành, lĩnh vực giai đoạn 2011-2015 đã triển khai nhiều chương trình, tiếp tục

có nhu cầu hoàn thành nhiều mục tiêu trong giai đoạn 2016-2020, đề nghị bộ, ngành quản lý đề xuất trình Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư tối đa không quá 2 chương trình mục tiêu/ngành, lĩnh vực (nếu thấy cần thiết) trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

b.2) Đối với các chương trình mục tiêu sử dụng ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác do địa phương quản lý: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu của địa phương theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

2. Xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trong giai đoạn 2016-2020 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Bộ, ngành chủ trì, quản lý chương trình xây dựng nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 34, Luật Đầu tư công và Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Điều 47, Luật Đầu tư công. Trên cơ sở đó trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư công và thời gian quy định tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5 tháng 8 năm 2014.

Đối với 02 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu do Trung ương quản lý: cơ quan chủ trì, quản lý chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trước ngày 31 tháng 10 năm 2014. Không bố trí vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 cho các chương trình mục tiêu đề xuất sau ngày 31 tháng 10 năm 2014.

3. Xử lý đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011-2015 không tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2016-2020

a) Từ nay đến hết năm 2015, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương tập trung chỉ đạo để hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng các dự án đầu tư dở dang; không mở thêm các dự án đầu tư mới.

Trường hợp một số ít dự án dở dang do lý do khách quan, chưa thể hoàn thành trong năm 2015, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương chủ động bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành dứt điểm dự án hoặc các hạng mục quan

trọng của dự án đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

b) Các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình chuyển sang nhiệm vụ thường xuyên và bố trí trong ngân sách của các bộ, ngành trung ương và ngân sách trong cân đối của địa phương để thực hiện.

IV. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020

Trên cơ sở các căn cứ và các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại mục I và II nêu trên, dự kiến khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư công, khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác (kể cả hình thức đối tác công tư PPP) để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công; các giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức rà soát dự kiến danh mục các dự án đầu tư công và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của từng nguồn vốn theo quy định dưới đây:

1. Rà soát danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2011-2015 chuyển tiếp và các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020

a) Rà soát danh mục dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công

Các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án đang được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2011-2015 theo từng nguồn vốn; chia ra nhóm các dự án:

- Danh mục dự án hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015, nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020;
- Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2020.

b) Rà soát danh mục các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2015), chưa được bố trí vốn, nhưng đã có trong kế hoạch đầu tư được phê duyệt (được Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền đồng ý bố trí vốn đầu tư công trong giai đoạn 2016-2020 để thực hiện). Đối với các dự án này được bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020, không phải thực hiện các thủ tục về thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại Luật Đầu tư công.

c) Rà soát và dự kiến các danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020

Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2015), chưa được bố trí vốn và chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các dự án khởi công mới thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định dự án theo quy định tại Chương II của Luật Đầu tư công. Đồng thời, yêu cầu các bộ, ngành và địa phương:

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch năm 2015 và trong giai đoạn 2016-2020 để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công.

- Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, điều kiện để tổ chức lập, thẩm định gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định tại mục 1, Chương II của Luật Đầu tư công.

- Căn cứ ý kiến phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, chuẩn bị tổ chức lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công theo quy định tại Chương II của Luật Đầu tư công.

2. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020

a) Dự kiến phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020

Trên cơ sở dự kiến khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 (khả năng cân đối từng nguồn vốn theo hướng dẫn cụ thể tại mục lập kế hoạch từng nguồn vốn), các bộ, ngành trung ương và địa phương dành lại dự phòng khoảng 15% kế hoạch vốn mỗi loại để xử lý các vấn đề phát sinh, cấp bách trong quá trình triển khai kế hoạch trung hạn, dự kiến phương án phân bổ 85% tổng số vốn theo quy định sau:

a.1) Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư cho các dự án đầu tư công khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại khoản c, điểm 1, mục IV trên đây và các dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 (nếu có).

a.2) Bố trí vốn thực hiện dự án (đầu tư theo ngành, lĩnh vực), vốn 02 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu cho từng dự án để giải phóng mặt bằng, lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán của dự án hoặc hạng mục của dự án và tổ chức thi công cho các dự án

theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015.

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 chuyển sang giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, trong đó: làm rõ số dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020.

- Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020, trong đó: làm rõ số dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020. Việc bố trí vốn kế hoạch các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 phải đáp ứng các quy định sau:

- + Ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015; thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công và của Chính phủ.

- + Bảo đảm bố trí đủ vốn giai đoạn 2016-2020 để hoàn thành dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

Lưu ý:

- Đối với các dự án khởi công mới chưa phê duyệt quyết định đầu tư, trong kế hoạch đầu tư công trung hạn được phép bố trí cả vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án giai đoạn 2016-2020 để hoàn thành các thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và triển khai thực hiện theo quyết định đầu tư đã được phê duyệt.

- Đối với các dự án thuộc các chương trình bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương, hiện nay Chính phủ chưa thông qua chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương báo cáo kế hoạch trước ngày 31 tháng 12 năm 2014, thì đề xuất danh mục dự án đầu tư giai đoạn 2016-2020 theo chương trình thuộc các ngành, lĩnh vực, như nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp; giáo dục; khoa học công nghệ, văn hóa;... Sau khi Chính phủ thông qua chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định nội dung từng chương trình mục tiêu cụ thể, sẽ sắp xếp, lựa chọn thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Đầu tư công, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2015.

b) Dự kiến các kết quả đạt được và các tồn tại, hạn chế trong phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

c) Đề xuất, kiến nghị và các giải pháp, chính sách triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

3. Lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN 5 năm 2016-2020

a) Về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN 5 năm 2016-2020

- Các bộ, ngành trung ương dự kiến tổng vốn đầu tư nguồn NSNN theo ngành, lĩnh vực và vốn bổ sung có mục tiêu (chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) tăng bình quân 10%/năm so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của các địa phương (không bao gồm tiền thu sử dụng đất): trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước phấn đấu tăng khoảng 10% so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao, trong các năm sau giao Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tình hình và triển vọng phát triển kinh tế và nguồn thu ngân sách địa phương và tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2016-2020 xác định cụ thể mức vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo hướng ưu tiên cho đầu tư phát triển, tăng bình quân hằng năm khoảng 7-10% so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN

Các bộ, ngành trung ương và địa phương căn cứ dự kiến tổng mức vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN nêu tại tiết a trên đây, lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 theo đúng các quy định lập kế hoạch đầu tư công nêu tại điểm 2 trên đây, đồng thời trong lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 phải thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí dưới đây:

- Dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN phải phù hợp với khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại tiết a nêu trên, dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư.

- Bố trí vốn cho các chương trình, dự án phải thuộc chương trình, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

- Các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương khởi công mới phải được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn; các dự án

sử dụng vốn ngân sách địa phương cấp nào, phải được cấp đó thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công.

- Ưu tiên bố trí vốn để hoàn trả các khoản vốn ứng trước, các khoản nợ xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN chốt đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Phù hợp nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với địa phương phải tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn do Thủ tướng Chính phủ quyết định và cấp có thẩm quyền tại địa phương quyết định.

4. Lập kế hoạch đầu tư nguồn vốn trái phiếu Chính phủ 5 năm 2016-2020

a) Đối với các chương trình, dự án đã được Quốc hội bố trí vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016

Quốc hội đã bố trí vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016 để thực hiện đáp ứng nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ còn thiếu để hoàn thành của các dự án giao thông, thủy lợi, y tế dờ dang; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA giai đoạn 2014-2016. Đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 trên cơ sở nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đã được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung giai đoạn 2014-2016 còn lại như sau:

a.1) Đối với các dự án giao thông, thủy lợi, y tế

- Thực hiện theo đúng danh mục và mức vốn trái phiếu Chính phủ được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định bổ sung năm 2014-2016.

- Tập trung thanh toán dứt điểm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Bố trí đủ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 để thu hồi các khoản vốn trái phiếu Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước trong năm 2015 và các khoản ứng từ năm 2011 trở về trước chưa bố trí thu hồi tại kế hoạch các năm trước.

- Mức vốn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 bố trí cho từng dự án không được vượt quá số vốn kế hoạch giai đoạn 2014-2016 còn lại của từng dự án.

- Dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư công khác và huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác để bổ sung vốn cho các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ triển khai dở dang nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

a.2) Đối với các chương trình, dự án ODA:

Các bộ, ngành trung ương và địa phương ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 để đối ứng cho các chương trình, dự án ODA, trong đó: các địa phương phải chủ động sử dụng các nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và hỗ trợ phát triển vùng để cân đối vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA, không trông chờ vào nguồn hỗ trợ của Trung ương. Đề xuất vốn đối ứng nguồn trái phiếu Chính phủ kế hoạch năm 2016 cho các chương trình, dự án ODA chỉ tập trung cho một số chương trình, dự án trọng điểm, cấp bách, bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí dưới đây:

- Thuộc nhiệm vụ ngân sách trung ương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng.

- Vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA kế hoạch năm 2016 nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân và bảo đảm các cam kết trong các Hiệp định đã ký và tiến độ, thực hiện các chương trình, dự án thật sự cần thiết và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này; trong đó: ưu tiên cho các dự án thuộc nhóm 6 ngân hàng phát triển, gồm: WB, ADB, JICA, KFW, AFD, KEXIMBANK cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn nước ngoài; các chương trình, dự án trọng điểm, cấp bách sử dụng vốn ODA cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn nước ngoài.

- Vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA để tập trung thực hiện các công việc: giải phóng mặt bằng; nộp thuế nhập khẩu, thuế VAT; xây dựng phần vỏ để đồng bộ với tiến độ nhập khẩu thiết bị, máy móc từ nguồn vốn nước ngoài; ...

- Mức vốn đối ứng không được vượt quá tổng mức đối ứng nguồn ngân sách Trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020.

- Không bố trí vốn đối ứng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ cho các chương trình, dự án ODA trong quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc trong hiệp định ký kết quy định phần vốn đối ứng sử dụng các nguồn vốn khác, không thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương.

b) Đề xuất nhu cầu đầu tư các dự án quan trọng có tác động liên vùng, khu vực và toàn quốc sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020

Hiện nay, Quốc hội chưa có chủ trương về việc phát hành vốn trái phiếu Chính phủ cho giai đoạn sau năm 2016. Tuy nhiên, trong bổ sung kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016 cho một số dự án mới chưa đủ nguồn để hoàn thành. Do đó, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương:

- Tổng hợp nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ để hoàn thành các dự án dở dang giai đoạn 2016-2020 (nếu có).

- Lựa chọn một số dự án mới (không đề xuất tràn lan nhiều dự án) trong giai đoạn 2017-2020 thực sự quan trọng, thúc đẩy sự phát triển chung và có tác động liên vùng, khu vực và toàn quốc và đề xuất nhu cầu sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020 báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội cho chủ trương.

5. Lập kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước 5 năm 2016-2020

Các bộ, ngành trung ương và địa phương căn cứ vào tình hình và triển vọng phát triển kinh tế và nguồn thu, phân đầu tốc độ tăng vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước khoảng 12-15%/năm so với kế hoạch năm trước, lập kế hoạch đầu tư vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước 5 năm 2016-2020 của từng nguồn thu cụ thể theo các nội dung dưới đây:

a) Kế hoạch thu hằng năm trong 5 năm 2016-2020 đối với từng nguồn thu cụ thể để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước (nếu có), như: thu xổ số kiến thiết, các khoản thu phí, lệ phí để lại cho đầu tư, lợi nhuận để lại cho Tập đoàn dầu khí,...

b) Dự kiến phương án phân bổ cụ thể đối với từng nguồn vốn theo các quy định về lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN 5 năm 2016-2020 theo quy định tại điểm 3 nêu trên.

c) Việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương theo đúng mục tiêu quy định tại nghị quyết của Quốc hội, quy định của Chính phủ đối với từng nguồn thu cụ thể.

6. Lập kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước 5 năm 2016-2020

a) Các bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước và vốn tín dụng đầu tư chính sách xã hội 5 năm 2016-2020 với tốc độ tăng trưởng khoảng 8%/năm so với kế hoạch năm trước của bộ, ngành và địa phương theo các nội dung dưới đây:

- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước: dự kiến kế hoạch đầu tư các khoản vay đầu tư phát triển từ nguồn vốn trong nước, nguồn vốn ODA cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các quỹ đầu tư của địa phương (nếu có) trong giai đoạn 2016-2020.

- Vốn tín dụng chính sách xã hội: dự kiến kế hoạch các chương trình sử dụng vốn tín dụng chính sách, như: các khoản cho vay hộ nghèo, cho vay giải quyết việc làm, cho vay học sinh sinh viên, cho vay xuất khẩu lao động, cho vay trả chậm nhà ở, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa, cho vay trồng rừng,... trong giai đoạn 2016-2020 và từng năm cụ thể.

- Dự kiến kế hoạch hoàn trả các khoản vốn vay, làm rõ các nguồn vốn hoàn trả các khoản vốn vay, trong đó: hoàn trả các khoản vốn vay cho các chương trình, dự án triển khai từ kế hoạch năm 2015 trở về trước, hoàn trả các khoản vốn vay cho các chương trình, dự án trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020.

b) Đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội ngoài các nội dung quy định tại tiết a trên đây, dự kiến lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 nguồn vốn này với tốc độ tăng trưởng bình quân 8%/năm và báo cáo bổ sung các nội dung sau:

- Vốn điều lệ của Ngân hàng dự kiến trong giai đoạn 2016-2020.

- Kế hoạch huy động vốn giai đoạn 2016-2020.

- Kế hoạch vốn tín dụng đầu tư nhà nước/tín dụng chính sách xã hội 5 năm 2016-2020, bao gồm: tín dụng đầu tư/tín dụng chính sách trong nước, cho vay đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và cho vay lại nguồn vốn ODA theo ngành, lĩnh vực, theo từng chương trình và dự án cụ thể.

- Kế hoạch bù lãi suất tín dụng đầu tư hằng năm trong 5 năm 2016-2020.

- Dự kiến tổng dư nợ nguồn vốn tín dụng nhà nước, tín dụng xuất khẩu, tín dụng chính sách đến ngày 31 tháng 12 hằng năm trong giai đoạn 2016-2020.

7. Kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2016-2020

Các bộ, ngành trung ương và địa phương căn cứ vào các hiệp định, các cam kết và dự kiến khả năng giải ngân các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong giai đoạn 2016-2020 lập kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn này như sau:

a) Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài 5 năm 2016-2020 trên cơ sở kế hoạch thực hiện chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiến độ cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, trong đó làm rõ danh mục các dự án đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và danh mục các dự án vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

b) Kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020 vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2016-2020 phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải thể hiện các nội dung theo từng hợp phần; từng hoạt động chính của chương trình, dự án; từng nguồn vốn tài trợ, vốn đối ứng, các nguồn vốn khác; báo cáo thuyết minh cơ sở, căn cứ tính toán từng hạng mục;

- Đối với chương trình, dự án hỗn hợp sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp, cơ quan quản lý lập và trình kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn đối ứng chia theo từng nội dung chi của chương trình, dự án;

- Cân đối đủ vốn đối ứng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, phù hợp với khả năng giải ngân thực tế hằng năm của chương trình, dự án.

8. Lập kế hoạch vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn vay khác của ngân sách địa phương

Căn cứ tình hình phát triển và khả năng huy động của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để hoàn trả các khoản vốn vay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến dự kiến mức vốn vay của ngân sách địa phương, nhưng không vượt quá tổng mức huy động theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Trong kế

hoạch vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn vay khác của ngân sách địa phương cần làm rõ:

a) Khả năng huy động vốn trái phiếu chính quyền địa phương (nếu có) trong 5 năm 2016-2020.

b) Khả năng huy động các nguồn vốn vay (nêu rõ các nguồn vốn vay) và sử dụng vốn vay khác của ngân sách địa phương theo từng năm trong 5 năm 2016-2020.

c) Kế hoạch bố trí vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn vay khác của ngân sách địa phương cho các dự án trong 5 năm 2016-2020. Trong đó yêu cầu:

- Việc bố trí vốn kế hoạch thực hiện theo quy định bố trí kế hoạch vốn đầu tư công, danh mục dự án phải thuộc danh mục các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương.

- Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020 nguồn vốn này phải phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 và hoàn trả đúng hạn các khoản vốn vay.

d) Dự kiến kế hoạch bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác (nêu cụ thể nguồn vốn) hoàn trả các khoản trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vốn vay của ngân sách địa phương.

đ) Dự kiến dư nợ các khoản vốn vay của ngân sách địa phương đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

C. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ các quy định tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn theo tiến độ sau:

I. TIẾN ĐỘ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản này, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của bộ, ngành trung ương và địa phương mình quản lý.

2. Các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015, tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét và hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản) và gửi qua thư điện tử theo địa chỉ thktqd@mpi.gov.vn, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn thu và cân đối thu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; khả năng phát hành trái phiếu Chính phủ và các cân đối tài chính có liên quan trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 01 năm 2015.

4. Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 4 năm 2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của các bộ, ngành và địa phương.

5. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các bộ, ngành trung ương và địa phương hoàn thiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Đầu tư công và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2015.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 7 năm 2015.

II. TIẾN ĐỘ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015

a) Các cơ quan, đơn vị thực hiện và sử dụng vốn chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình triển khai thực hiện theo quy định tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính, cơ

quan chủ trì quản lý chương trình trước ngày 30 tháng 9 năm 2014.

b) Cơ quan chủ trì, quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011-2015 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 năm 2014.

c) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ của hai chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới; các cơ quan quản lý nhà nước đề xuất các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 (nếu cần thiết) theo các quy định nêu trên gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 năm 2014.

d) Đối với hai chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu triển khai trong giai đoạn 2016-2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định Nhà nước để thẩm định hai chương trình mục tiêu quốc gia; thành lập Hội đồng liên ngành hoặc chủ trì thẩm định các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Luật Đầu tư công và phân công của Thủ tướng Chính phủ báo cáo Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

2. Đối với các chương trình mục tiêu mới giai đoạn 2016-2020 sử dụng vốn ngân sách trung ương

a) Cơ quan chủ trì, quản lý chương trình xây dựng báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 năm 2014.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng liên ngành hoặc chủ trì thẩm định các chương trình mới theo quy định tại Luật Đầu tư công và phân công của Thủ tướng Chính phủ báo cáo Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Trên cơ sở phê duyệt chủ trương đầu tư của Chính phủ và Quyết định đầu tư các chương trình mục tiêu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trước ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Các chương trình mục tiêu đề xuất sau ngày 31 tháng 10 năm 2014,

không bố trí vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 để thực hiện chương trình.

3. Đối với các chương trình mục tiêu sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định thời gian đánh giá tình hình thực hiện các chương trình và tổ chức thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên xây dựng tổng thể kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm của tất cả các nguồn vốn, nên không tránh khỏi các khó khăn, trở ngại, trong khi thời gian triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn còn lại không nhiều, khối lượng công việc rất lớn và mới mẻ. Do đó đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương tập trung chỉ đạo khẩn trương triển khai xây dựng và hoàn thành báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và các tình hình, số liệu cụ thể theo các mẫu biểu kèm theo văn bản này; gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đường văn bản (2 bản) và theo thư điện tử thktqd@mpi.gov.vn và Bộ Tài chính theo đúng thời gian quy định.

Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xử lý, hướng dẫn bảo đảm thực hiện theo đúng tinh thần Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. */s/*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg và các PTTg;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Ban quản lý các KKT, KCN;
- Sở KH&ĐT;
- Các đơn vị trong Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (5 bản).

Đ/S

BỘ TRƯỞNG



Bùi Quang Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1469/SY-UBND

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, K1;
- Lưu: VT (12b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 26 tháng 8 năm 2014

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình